PHỤ LỤC

Danh mục đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 137 /KH-UBND ngày 22/5/2025 của UBND tỉnh)

TT	Ký hiệu ô đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m²)
	TỔNG CỘNG		**22.721,96**
A	**Quỹ đất 12%**		**14.240,46**
I	**Khu đô thị Nam Hoàng Đồng I**		**4.736,30**
1	4	BT1	379,90
2	5		440,10
3	6		487,60
4	7		454,50
5	8		419,40
6	9		436,20
7	10		465,30
8	11		428,80
9	12		399,70
10	13		404,10
11	14		420,70
II	**Khu đô thị Phú Lộc I+II**		**9.504,16**
1	20	NLK.08	109,15
2	21		98,44
3	22		98,29
4	6	NV.03	281,05
5	9		289,56
6	10		272,87
7	1	NLK E.2	92,50
8	2		87,50
9	3		87,50
10	4		87,50
11	5		87,50
12	6		92,50
13	25	NLK E.1	86,30
14	26		86,30
15	27		91,00
16	13	NLK 22B	101,30
17	14		87,50
18	15		87,50
19	1	NLK 16	102,20
20	2		90,00
21	3		90,00
22	4		90,00
23	5		90,00
24	6		107,40
25	22	NLK 14.1	115,90
26	23		94,50
27	24		94,50
28	25		94,50
29	26		94,50
30	27		108,00

TT	Ký hiệu ô đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m^2)
31	25	NLK 16	90,00
32	29		100,00
33	30		100,00
34	1	NLK 22B.1	99,60
35	2		86,20
36	3		86,20
37	4		86,20
38	7		82,50
39	8		82,50
40	9		82,50
41	10		82,50
42	1	NLK 22B	82,50
43	2		82,50
44	3		82,50
45	4		82,50
46	5		82,50
47	6		82,50
48	22		82,50
49	23		82,50
50	24		82,50
51	25		82,50
52	26		82,50
53	27		82,50
54	28		82,50
55	29		82,50
56	30		82,50
57	10	NLK 16	100,00
58	11		100,00
59	12		100,00
60	13		100,00
61	14		100,00
62	15		100,00
63	16		100,00
64	17		100,00
65	18		100,00
66	31		100,00
67	32		100,00
68	33		100,00
69	34		100,00
70	35		100,00
71	36		100,00
72	37		100,00
73	38		100,00
74	39		100,00
75	40		100,00
76	41		100,00
77	7		100,00
78	8		100,00
79	9		100,00

TT	Ký hiệu ô đất	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m^2)
80	19	NLK 16	100,00
81	20		100,00
82	21		100,00
83	22		100,00
84	24		90,00
85	3	NLK 14.3	100,00
86	4		100,00
87	5		100,00
88	10	NLK 13A	111,80
89	6	NLK 22A.2	91,00
90	23	NLK 22A.1	87,50
91	22	LNK. E1	91,00
92	23		86,30
93	24		86,30
94	1	NLK 03.3	63,00
95	5	NLK 22B.1	86,20
96	6		99,60
B	**Khu đất T.M.D.V.1 tại Khu tái định cư và Dân cư Nam thành phố Lạng Sơn**		**8.481,50**